

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/DS-ST

Ngày: 26/3/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.
2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Minh Sử N**, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn là bà L dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Trương Minh Sử N trình bày:

Do có quen biết với nhau nên ngày 04/10/2022, bà L có hỏi vay tiền của ông với mục đích đầu tư làm cây giống, số tiền 180.000.000 đồng, ông đưa tiền trực tiếp cho bà L, hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022, bà L có ký và ghi họ tên vào hợp đồng. Lãi suất khi vay là 2,5%/tháng không có ghi trong hợp đồng mà hai bên thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 04/10/2022 đến 04/10/2023 bà L phải trả tiền lại cho ông.

Trong thời gian vay tiền thì bà L có trả cho ông được số tiền gốc là 90.000.000 đồng vào tháng 8/2023 và số tiền lãi khoảng 14.000.000 đồng.

Hết thời hạn vay 04/10/2023, bà L còn nợ lại ông số tiền gốc 90.000.000 đồng, ông nhiều lần liên hệ và đến nhà bà L yêu cầu trả tiền nhưng bà L chỉ hứa trả mà không trả tiền cho ông. Đến hiện tại bà L vẫn không trả thêm cho ông số tiền gốc và tiền lãi nào.

Trước đây, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đồng và số tiền lãi đến khi bà L trả hết nợ, mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng. Nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, cụ thể ông yêu cầu bà L trả tiền lãi cho ông với mức lãi suất 10%/năm tức là 0,83%/tháng. Tiền lãi tính từ ngày 04/10/2023 đến ngày xét xử (ngày 26/3/2025), số tiền lãi ông yêu cầu là $90.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 13.275.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 26/3/2025 là 103.275.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi chênh lệch so với đơn khởi kiện là $22.957.800 \text{ đồng} - 12.750.000 \text{ đồng} = 9.682.800 \text{đ}$ (chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Số tiền này chỉ một mình bà L vay của ông, ông không yêu cầu ai khác có trách nhiệm liên đới, ông chỉ yêu cầu bà L trả tiền cho ông. Đến thời điểm hiện tại ông đã kiện hết tất cả các khoản nợ mà bà L nợ ông.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L: Tòa án tổng đạt các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản photo đơn khởi kiện, bản sao chụp hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022 mà nguyên đơn cung cấp, thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy mời tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng bà L đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, không có lời trình bày của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Bến Tre nên được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ theo hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022 giữa ông Trương Minh Sử N với bà Nguyễn Thị Mỹ L có nội dung thể hiện bà L có vay của ông N số tiền:

180.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/10/2022 đến ngày 04/10/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến hiện tại bà L đã thanh toán được cho ông N số tiền gốc là 90.000.000 đồng nợ gốc, tiền lãi 14.000.000 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ lại đến ngày 04/10/2023 là 90.000.000 đồng. Từ khi khởi kiện đến nay bà L chưa trả được cho ông N thêm số tiền gốc, tiền lãi nào.

Xét thấy, bà L đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, bản photo đơn khởi kiện, bản photo hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022 mà ông N cung cấp cho Tòa án có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị Mỹ L có vay của ông N số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 04/10/2022 đến ngày 04/10/2023. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải, giấy mời bà L đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan vụ kiện nhưng bà L không có ý kiến phản hồi, không có phản bác lại đối với hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022, không phản bác yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc bà L không có vay tiền của ông N, cũng như số tiền gốc, tiền lãi bà L đã trả cho ông N. Đến nay bà L chưa trả tiền gốc còn nợ lại cho ông N là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 của BLDS. Do đó, ông N yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay với số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng) là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi của ông N:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng đối với số tiền bị đơn còn nợ, cụ thể số tiền lãi chênh lệch nguyên đơn rút so với đơn khởi kiện là 9.682.800đ (chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng). Việc rút một phần yêu cầu tiền lãi là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Hợp đồng vay tiền ngày 04/10/2022 không thể hiện lãi suất cũng như mức lãi suất hai bên thỏa thuận. Phía nguyên đơn xác định yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ quá hạn như hợp đồng vay không có lãi, hết thời hạn vay tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đối với bị đơn trên số tiền gốc còn lại. Do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 04/10/2023 đến ngày xét xử là ngày 26/3/2025 với số tiền 13.275.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Phía nguyên đơn xác định số tiền vay chỉ có một mình bà L vay, nguyên đơn không yêu cầu trách nhiệm liên đới mà chỉ yêu cầu một mình bà L trả nợ nên không xem xét trách nhiệm liên đới.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.163.750 đồng làm tròn 5.164.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được chấp nhận nên bị đơn bà L phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh Sử N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho ông Trương Minh S Nhiên số tiền là 103.275.000đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 13.275.000đ (Mười ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi là 9.682.800đ (chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 5.164.000 đồng (năm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trương Minh S Nhiên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.824.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008859 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện C;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Diễm